

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2017/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo P, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khu phố LT, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PL, xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: Ấp AB, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2017 của nguyên đơn – chị P và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị P trình bày:

Chị và anh S chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2014, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 90/2014 ngày 24-11-2014 tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do không phù hợp tính tình, bất đồng tư

tưởng trong sinh hoạt đời sống hàng ngày, anh S không lo làm kinh tế gia đình nên kinh tế gia đình nên kinh tế gia đình khó khăn, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con; vợ chồng thường xuyên gây gổ, anh S đánh chị nhiều lần. Chị bỏ đi thuê nhà trọ sống riêng từ ngày 25-8- 2016, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo A, sinh ngày 17-3-2015, cháu A đang sống với anh S. Khi ly hôn chị yêu cầu giao anh S tiếp tục nuôi con, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập và niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Bị đơn - anh S không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của họ, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng anh S vắng mặt không lý do trong quá trình giải quyết vụ án là vi phạm tại Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án phải kéo dài

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị P đối với anh S.

Về con chung: Giao cháu A, sinh ngày 17-3-2015 cho anh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh S vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh S chung sống với nhau vào tháng 6 năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 24-11-2014 là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng có thời gian sống ly thân từ ngày 25-8-2016 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị P và anh S lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cụ thể: Anh S không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con; anh S thường đánh chị P. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh S có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu A, sinh ngày 17-3-2015 do anh S đang nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu A phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Chị P yêu cầu giao anh S nuôi dưỡng cháu A, anh S đang có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, có cơ sở giao cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thảo P được ly hôn anh Nguyễn Minh S.

2. Về con chung: Giao anh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, sinh ngày 17-3-2015.

Ghi nhận chị P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày 20-9-2017 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm

ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0009039 ngày 06-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị P còn phải nộp 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã PC;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Ngện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA